TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 941/2021/QĐST–HNGĐ	*Thành phố Thủ Đức, ngày 22 tháng 4 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212, 213, 361 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 581/2021/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2021, về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*:

1. Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1981;
2. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1980;

Cùng địa chỉ: Số A đường B, Khu phố C, phường D, Thành phố E, Thành phố F.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về xác định yêu cầu và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị Kim T có Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, do đó yêu cầu của ông K, bà T là yêu cầu về thuận tình ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do người yêu cầu có nơi cư trú tại thành phố Thủ Đức (Quận 2 cũ) nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 35 và điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Thủ Đức.

[2] Về các yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ các bản tự khai, biên bản hòa giải có trong hồ sơ vụ việc, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức nhận thấy:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số Giấy chứng nhận kết hôn số số 35, do Ủy ban nhân dân Phường Cái Lái, Quận 2 nay là thành phố thủ Đức, Thành

phố Hồ Chí Minh, cấp đăng ký ngày 07/5/2002 thì quan hệ hôn nhân giữa bà T, ông K là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Ông K bà T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2002. Trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do không hợp nhau, có nhiều bất đồng trong quan điểm sống dẫn đến không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông K bà T đã cố gắng hòa giải mâu thuẫn vợ chồng nhưng vẫn không đạt kết quả như mong muốn. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa ông K bà T là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc ông K bà T cùng thỏa thuận yêu cầu thuận tình ly hôn là có cơ sở xem xét chấp nhận.

Về con chung: Hai bên thống nhất giao con chung tên Nguyễn Ngọc Hải Y, sinh ngày 31/7/2007 cho bà T trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Cháu lớn Nguyễn Thanh Tr, sinh ngày 20/9/2002 đã trưởng thành, Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông K phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu tòa án giải quyết; Nợ chung: Không có.

Về lệ phí: Ông K tự nguyện chịu lệ phí 300.000 đồng.

Xét thỏa thuận nêu trên của ông K bà T là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với nhà nước hoặc với người thứ ba. Do đó, công nhận sự thỏa thuận nêu trên của ông K bà T là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị Kim T thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn số số 35, do Ủy ban nhân dân phường Cái Lái, Quận 2 nay là thành phố thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, cấp đăng ký ngày 07/5/2002 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Tòa án ban hành quyết định).

1.2 Về con chung: Hai bên thống nhất giao con chung tên Nguyễn Ngọc Hải Y, sinh ngày 31/7/2007 cho bà T trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Cháu lớn Nguyễn Thanh Tr, sinh ngày 20/9/2002 đã trưởng thành, Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông K phải cấp dưỡng nuôi con.

1.3 Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu tòa án giải quyết; Nợ chung: Không có

2. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận nhận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về lệ phí:

Lệ phí thuận tình ly hôn là 300.000 đồng, ông Nguyễn Văn K tự nguyện chịu toàn bộ, được cấn trừ vào số tiền lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2018/0028599 ngày 07/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức. Bà T không phải chịu án phí.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- UBND phường Cái Lái, Quận 2 nay là thành phố thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phạm Anh Ngọc